TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-PT
Ngày: 05 -12-2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thị Hải Dương
Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu
Ông Trần Hữu Sỹ
- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 29/11 và 05/12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLPT-TCDS ngày 24 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1833/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Văn C, sinh năm: 1922
Địa chỉ: Thôn n, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
- Người được nguyên đơn uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1951; Địa chỉ: Thôn n, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1935
Địa chỉ: Thôn m, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
Người được bị đơn uỷ quyền: Ông Nguyễn Danh H, địa chỉ: xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. Người làm chứng:
- Ông Lưu Văn D; Địa chỉ: Thôn n, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
- Ông Nguyễn Xuân T; Địa chỉ: Thôn k, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
- Ông Lê Chiêu T; Địa chỉ: Thôn h, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
- Ông Lưu Đức H; Địa chỉ: Thôn n, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Ngọc T; Địa chỉ: Thôn h, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Lê Chiêu B; Địa chỉ: Thôn h, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Lê Văn V; Địa chỉ: Thôn h, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đăng K; Địa chỉ: Thôn h, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Lưu Văn V; Địa chỉ: Thôn h, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Lưu Sỹ V, Địa chỉ: Thôn n, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T; Địa chỉ: Thôn h, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

- Ông Nguyễn Khắc T; Địa chỉ: Thôn h, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Ông Nguyễn Văn Q; Địa chỉ: Thôn m, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Lưu Văn Đ, Địa chỉ: Thôn n, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Lê Tiến H; Địa chỉ: Thôn s, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Dũng C; Địa chỉ: Thôn n, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Quang V; Địa chỉ: Thị trấn nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Bố Trạch thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Lưu Văn C và người được uỷ quyền tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 1949 vợ chồng ông Lưu Văn C và bà Nguyễn Thị Ng (tên gọi khác là Ng) chung sống với nhau tại nhà bố, mẹ ông C ở thôn n, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Năm 1968 ông C vào Đồng Hới mua ngôi nhà gỗ cũ về dựng ngay cạnh thửa đất nhà mẹ bà Ng. Thửa đất này trước đây có nguồn gốc từ ông Nguyễn Văn H ở, sau đó ông H đi Sen Bàng lập làng mới thì thửa đất này bỏ hoang nên ông C xin hợp tác xã để dựng nhà, hai vợ chồng chung sống với nhau được 30 năm nhưng không có con. Bà Ng đi vận động một số phụ nữ đẻ con cho ông C để có con nối dõi tông đường. Năm 1983, ông C đến sống chung với bà Nguyễn Thị T (không đăng ký kết hôn) và có với nhau hai con chung. Tuy nhiên, ông C vẫn qua lại bình thường với bà Ng, bà Ng vẫn chăm sóc hai đứa con riêng của ông C, giữa hai ông, bà không có mâu thuẫn gì. Năm 2009 bà Ng chết, để lại 01 thửa đất số 86, tờ bản đồ số 7, diện tích 666m^2 tại thôn h, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Ng và một ngôi nhà trên thửa đất này. Bà Ng

chết không để lại di chúc. Khi bà Ng chết, ông C và bà T cùng các con lo mai táng đầy đủ theo phong tục và quản lý di sản bà Ng, ngoài ra không có ai lo lắng việc này. Sau đó, ông C lên Ủy ban nhân dân xã H lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền trả để trả khoản tiền ông đã bỏ ra làm đám tang nhưng Uỷ ban nhân dân xã H trả lời ông C không có quyền. Sau đó, ông Nguyễn Văn K là họ hàng xa với ông bà Ng bàn bạc việc bán nhà bà Ng nhưng ông C không nhất trí nên xảy ra tranh chấp, được hoà giải ở cơ sở nhưng không thành. Ông C cho rằng tài sản bà Ng để lại là tại sản chung của vợ chồng nên khi bà Ng chết thì ông là người được hưởng thừa kế. Ông C khởi kiện yêu cầu Toà án công nhận ông được quyền được hưởng di sản thừa kế của bà Ng và buộc ông K không được cản trở thực hiện quyền này.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Gia đình chú ông K (bố bà Ng) có hai người con nhưng người con trai mất sớm còn lại bà Ng. Năm 1949, bà Ng lấy chồng là ông Lưu Văn C. Do nhà ít người nên bố mẹ bà Ng cho vợ chồng ông C, bà Ng về làm nhà trên đất của bố mẹ bà Ng. Vì vợ chồng ông C và bà Ng không có con nên năm 1975 ông C không ở với bà Ng nữa mà đi lấy vợ khác để một mình bà Ng chăm sóc bà L (mẹ bà Ng). Ông C không có tình cảm và trách nhiệm đối với bà Ng và mẹ bà Ng. Khi bà L qua đời, gia đình và dòng họ không cho ông C chịu tang vì ông C là đứa con rễ bất hiếu. Cuộc sống bà Ng hoàn toàn phụ thuộc gia đình ông K và hai ông chú của bà Ng. Đặc biệt những năm tháng cuối đời của bà Ng, vợ con ông K và hai đứa em con chú là Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị L chăm sóc. Lúc này, nhà cửa dột nát, xuống cấp, anh em nhà ông K đến sửa chữa giúp, sau này bão lụt tàn phá nhà cửa hư hỏng nặng, thì bà con thôn h, xã H đóng góp sửa chữa lại. Sau khi bà Ng chết, việc hương khói đều do anh em ông K lo liệu.

Về tài sản của bà Ng để lại: Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 7, diện tích 666m^2 là do bà Ng đứng tên, đất này có nguồn gốc đất hương hoả của ông bà nội bà Ng, ông K để lại. Sau này, khi Nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Ng kê khai và chỉ có bà Ng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà Ng đã chết thì thửa đất này thuộc quyền của anh, em, con, cháu nội của ông K, ông C không có quyền thừa kế; Ngôi nhà do ông C và bà Ng dựng lên năm 1970 thì ông C có quyền tháo dỡ trả lại đất để anh em ông K xây nhà thờ, thờ phụng ông, bà và bà Ng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 04/9/2019 của Toà án nhân dân huyện Bố Trạch đã Quyết định: Căn cứ Điều 1, Điều 5, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959; Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự; Điều 100, khoản 5, 7 Điều 166; khoản 2, 3, 4, 5 Điều 170; điểm đ khoản 1 Điều 179; Điều 188 và khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 203 của Luật Đất đai; khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn C: Công nhận ông Lưu Văn C có quyền được hưởng di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa 345, tờ bản đồ số 7 xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình) và được sở hữu ngôi nhà trên đất. Thửa đất 345, tờ bản đồ số 7 xã H diện tích 445,5m^2, có tứ cận:

Phía Bắc giáp đường giao thông, kích thước 21,5m

Phía Nam đường đi (đường rộng 2m – theo thoả thuận của các đương sự chừa 2m chiều rộng để làm đường đi), kích thước 24,7m

Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn K, kích thước 18,4m

Phía Đông giáp đường giao thông, kích thước 20,6m.

Nhà có đặc điểm: Nhà 3 gian, cấp 4, mái ngói đã hư hỏng, ngói bị vỡ, mái gỗ rui mèn, đòn tay bị mối mọt; tường xây bằng đá, vôi, không tô trát, đá mọc rong rêu, các cửa đã hử hỏng nặng.

Ông Lưu Văn C có quyền và trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai để giải quyết các vấn đề liên quan trên thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn K không được cản trở ông C thực hiện quyền sử dụng đất đối với và một ngôi nhà trên đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 19 tháng 9 năm 2019 bị đơn ông Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo nội dung: Ông C và bà Ng đã không sống chung với nhau từ năm 1983 khi ông C đến sống chung như vợ chồng với bà T và có hai người con, từ năm 1983 đến năm 2009 (năm bà Ng chết) ông C và bà Ng không còn tồn tại quan hệ vợ chồng. Khi bà Ng chết, để lại tài sản là ngôi nhà cấp 4 đã hư hỏng nặng trên thửa đất có diện tích 445,2m^2 mang tên bà Nguyễn Thị Ng được UBND huyện B cấp năm 2006 tại thôn h, xã H, huyện Bố Trạch. Bản án sơ thẩm nhận định tại thời điểm bà Ng chết, ông C và bà Ng vẫn tồn tại quan hệ vợ chồng bằng hôn nhân thực tế để chia thừa kế duy nhất cho ông C là không có căn cứ.

Khi pháp luật có quy định về hôn nhân thực tế đối với những trường hợp xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì được nhà nước khuyến khích đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, khi nhà nước chưa có quy định này thì ông C, bà Ng đã không còn sống chung với nhau nữa, nên đã chấm dứt quan hệ hôn nhân thực tế. Việc bản án xác định năm 2009, khi bà Ng chết, ông C vẫn là chồng để chia thừa kế cho ông C, trong khi bà T và ông C xác lập quan hệ hôn nhân thực tế từ 1983 và tồn tại cho đến nay, nghĩa là pháp luật thừa nhận việc một người có hai vợ thông qua hôn nhân thực tế, bản án tuyên như vậy là không đúng pháp luật, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét khách quan, công bằng bảo đảm quyền lợi chính đáng cho gia đình ông K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn thừa nhận đất là của bà Ng để lại, nhà là của chung vợ chồng ông C, vì hôn nhân của ông C và Ng không sống với nhau từ năm 1983 nên quan hệ hôn nhân

của họ đã chấm dứt, ông C không có quyền thừa kế tài sản của bà Ng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn K đối với quyết định của bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch vì ông K cho rằng, quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà Ng đã chấm dứt kể từ năm 1983 khi ông C đến sống chung với bà T và có với nhau hai con chung, ông C không có quyền hưởng di sản thừa kế của bà Ng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông C là quan hệ hôn nhân thực tế, được gia đình và họ hàng công nhận là vợ chồng. Tại thời điểm họ sống chung với nhau chưa có pháp luật điều chỉnh buộc phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Từ khi chung sống với nhau, bà Ng và ông C có tài sản chung là ngôi nhà cấp bốn làm trên thửa đất đang có tranh chấp. Ông K cho rằng, thửa đất trên là thửa đất hương hoả của ông bà nội bà Ng nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh về nguồn gốc đất. Trong khi đó, phía ông C có người làm chứng là ông Hành trình bày nguồn gốc thửa đất này trước là ông Hành ở, sau chuyển đi làm kinh tế mới thì đất bỏ hoang. Ông C và bà Ng được hợp tác xã cho phép ở (không có giấy tờ) nhưng ông bà sử dụng ổn định liên tục trong suốt một thời gian dài không ai có ý kiến, phản đối. Sau này bà Ngẫu là người kê khai đứng tên để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngôi nhà ba gian làm trên đất đã cũ là tài sản chung của ông C, bà Ng đã được phía nguyên đơn và bị đơn thừa nhận. Theo khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích kết hôn. Nếu có ly hôn thì Toà án thụ lý và áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Thời gian từ năm 1983 đến sau này, mặc dù ông C đến chung sống như vợ chồng với bà T nhưng chưa được Toà án giải quyết ly hôn nên về mặt pháp lý thì ông C và bà Ng vẫn là quan hệ vợ chồng. Hôn nhân thực tế giữa ông C và bà Thải là quan hệ hôn nhân không hợp pháp (ông C đang có vợ mà chung sống như vợ chồng với người khác). Vì

vậy, khi bà Ng chết không để lại di chúc thì ông C được xác định là hàng thừa kế thứ nhất và duy nhất của Ng.

Việc Toà án nhân dân huyện Bố Trạch xử công nhận ông C được hưởng thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất là có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông K.

[3]. Về án phí: Kháng cáo ông K không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông K thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 611, Điều 612, Điều 613, điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự; Điều 100, khoản 5, 7 Điều 166; khoản 2, 3, 4, 5 Điều 170; điểm đ khoản 1 Điều 179; Điều 188 và khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 203 của Luật Đất đai; khoản 5 Điều 26; khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

2. Về án phí: miễn phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn K.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THA huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương